

HEALTH STATUS OF YOUNG MEN UNDERGOING MILITARY SERVICE MEDICAL EXAMINATIONAL IN DAU TIENG DISTRICT, HO CHI MINH CITY, 2025

Le Nguyen Dang Khoa^{1*}, Tran Phuong Ly², Do Thi Tham^{3,4}, Nguyen Dinh Giap², Huynh Minh Chin⁵

¹*Ho Chi Minh City Hospital for Rehabilitation - Professional Diseases -
313 Au Duong Lan, Chanh Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

²*Dau Tieng regional Medical Center - Cau Duc Hamlet, Dau Tieng Commune, Ho Chi Minh City, Vietnam*

³*Vietnam Association of Preventive Medicine - 1 Yec Xanh, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam*

⁴*Vietnam Journal of Preventive Medicine - 1 Yec Xanh, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam*

⁵*Ho Chi Minh City Department of Health - 59-59B Nguyen Thi Minh Khai, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received: 14/10/2025

Revised: 29/10/2025; Accepted: 03/12/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the physical condition and disease status of 1015 young men who underwent military service health examination in Dau Tieng area, Ho Chi Minh city in 2025.

Subjects and methods: Descriptive cross-sectional study from January 2025 to March 2025.

Results: Health classification showed: grade 1 accounted for 3%; grade 2 is 27.1%; grade 3 is 19.6%; grade 4 is 28.9%; grade 5 is 14.4%; and grade 6 is 7.0%. Average anthropometric indices were: height 167.5 ± 5.9 cm; weight 65.2 ± 15.3 kg; chest circumference 89.2 ± 9.5 cm; and BMI 23.2 ± 5.0 kg/m² (normal 44%; underweight 11.6%; overweight 13.1%; obese 31.3%). The majority of participants had at least one diagnosed disease (78.5%). The most prevalent group was eye diseases (39.9%), followed by internal medicine conditions (28.4%) and dental-oral diseases (24.2%).

Conclusion: These findings highlight the need to strengthen preventive programs and health management for young people, especially in preventing refractive errors, overweight-obesity, and chronic diseases, in order to improve the quality of the military service recruitment pool in the coming years.

Keywords: Military service, physical fitness, morbidity, youth, Dau Tieng.

*Corresponding author

Email: lekhoa0097@gmail.com Phone: (+84) 968986698 DOI: 10.52163/yhc.v66i6.4020

THỰC TRẠNG SỨC KHOẺ CỦA THANH NIÊN KHÁM TUYỂN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ TẠI KHU VỰC DẦU TIẾNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2025

Lê Nguyễn Đăng Khoa^{1*}, Trần Phương Lý², Đỗ Thị Thắm^{3,4}, Nguyễn Đình Giáp², Huỳnh Minh Chính⁵

¹Bệnh viện Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp, Tp. Hồ Chí Minh -
313 Âu Dương Lân, P. Chánh Hưng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trung tâm Y tế khu vực Dầu Tiếng - Ấp Cầu Đúc, Xã Dầu Tiếng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

³Hội Y học Dự phòng Việt Nam - 1 Yec Xanh, P. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

⁴Tạp chí Y học Dự phòng, Hà Nội - 1 Yec Xanh, P. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

⁵Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh - 59-59B Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận: 14/10/2025

Ngày sửa: 29/10/2025; Ngày đăng: 03/12/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng tình hình thể lực và bệnh tật trên 1015 nam thanh niên đã khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng, thành Phố Hồ Chí Minh trong năm 2025.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả từ tháng 1/2025 đến tháng 3/2025.

Kết quả: Phân loại sức khỏe loại 1 chiếm 3%; loại 2 là 27,1%; loại 3 là 19,6%; loại 4 là 28,9%; loại 5 là 14,4%; và loại 6 là 7%. Thể lực (trung bình): chiều cao 167,5 ± 5,9 cm; cân nặng 65,2 ± 15,3 kg; vòng ngực 89,2 ± 9,5 cm; BMI 23,2 ± 5,0 kg/m² (bình thường 44%; nhẹ cân 11,6%; thừa cân 13,1%; béo phì 31,3%). Đa số thanh niên có mắc ít nhất 1 bệnh (78,5%). Nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh về mắt (39,9%), kế đến là bệnh nội khoa (28,4%) và bệnh răng hàm mặt (24,2%).

Kết luận: Cần tăng cường các chương trình dự phòng và quản lý sức khỏe cho thanh thiếu niên, đặc biệt là phòng chống tật khúc xạ, thừa cân béo phì và bệnh mạn tính, nhằm nâng cao chất lượng nguồn khám tuyển nghĩa vụ quân sự trong những năm tới.

Từ khóa: Nghĩa vụ quân sự, thể lực, bệnh tật, thanh niên, Dầu Tiếng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe là vốn quý nhất của con người và toàn xã hội. Việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân không chỉ mang ý nghĩa nhân đạo mà còn trực tiếp đảm bảo nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu, trong đó lực lượng thanh niên giữ vai trò then chốt và điều kiện tiên quyết để họ hoàn thành nhiệm vụ chính là sức khỏe tốt.

Ở Việt Nam, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ là nhiệm vụ trọng tâm của công tác quốc phòng, nhằm xây dựng lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Để thực hiện nghĩa vụ quân sự, đòi hỏi thanh niên phải có thể lực tốt để thích ứng với môi trường huấn luyện nghiêm ngặt và đặc thù. Để đáp

ứng yêu cầu thể lực và sức khỏe, Thông tư 105/2023/TT-BQP, có hiệu lực từ ngày 1/1/2024, quy định rõ tiêu chuẩn sức khỏe cho khám nghĩa vụ quân sự, bổ sung nhiều nội dung mới như áp dụng chỉ số BMI, phân loại sức khỏe theo thang điểm 1 đến 6, đồng thời mở rộng thêm một số danh mục cận lâm sàng [1].

Thực tế những năm gần đây cho thấy, tình trạng tật khúc xạ ở mắt, béo phì và rối loạn chuyển hóa ngày càng gia tăng ở thanh niên, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả khám tuyển. Dầu Tiếng là một địa bàn ven thành phố Hồ Chí Minh, dân số hơn 130.000 người, chủ yếu sinh sống ở nông thôn. Công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự nhiều năm qua đạt kết quả tốt, tuy nhiên chưa có số liệu khoa học nào phản ánh đầy

*Tác giả liên hệ

Email: lekhoa0097@gmail.com Điện thoại: (+84) 968986698 DOI: 10.52163/yhc.v66i6.4020

đủ thực trạng sức khỏe thanh niên tại địa phương kể từ khi áp dụng theo thông tư mới. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu mô tả thực trạng tình hình thể lực và bệnh tật của thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng, thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2025.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nam thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng, thành Phố Hồ Chí Minh trong năm 2025.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu: có hộ khẩu thường trú tại các xã/thị trấn thuộc huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (cũ) và đã được khám tuyển nghĩa vụ quân sự trong năm 2025.

- Tiêu chuẩn loại trừ: những người khám sức khỏe không khám đầy đủ chuyên khoa, thiếu các chỉ số cần nghiên cứu.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2025 tại Trung tâm Y tế khu vực Dầu Tiếng.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

- Cỡ mẫu: chọn mẫu toàn bộ 1015 nam thanh niên đã khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng, thành Phố Hồ Chí Minh trong năm 2025.

- Phương pháp thu thập thông tin: thu thập số liệu từ phiếu khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của đối tượng nghiên cứu sau khi có kết luận của Chủ tịch Hội đồng khám tuyển.

- Biến số nghiên cứu: độ tuổi, chiều cao, cân nặng, chu vi vòng ngực, phân loại BMI, phân loại sức khỏe, biến số bệnh tật.

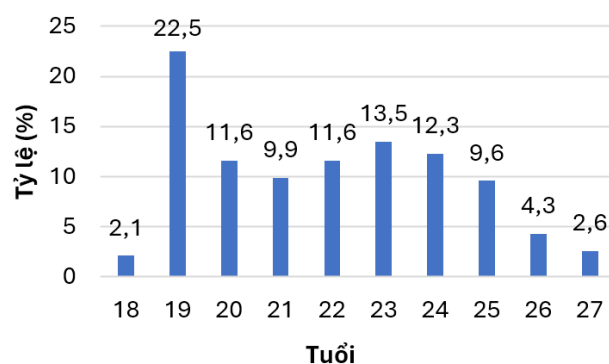
- Phương pháp thu thập thông tin: thu thập số liệu từ phiếu khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự của đối tượng nghiên cứu sau khi có kết luận của Chủ tịch Hội đồng khám tuyển.

- Xử lý và phân tích số liệu: dữ liệu được rà soát và nhập bằng phần mềm Microsoft Excel, phân tích bằng phần mềm STATA 17.0.

2.4. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được Trung tâm Y tế khu vực Dầu Tiếng phê duyệt trước khi tiến hành. Không ghi danh tính của đối tượng nghiên cứu để bảo vệ quyền riêng tư.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Hình 1. Phân bố tỷ lệ khám nghĩa vụ quân sự theo độ tuổi (n = 1015)

Phân bố theo độ tuổi của nam thanh niên tham gia khám phân loại sức khỏe nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng cho thấy đa số là nhóm 19 tuổi (22,5%), lứa tuổi từ 20-25 tuổi chiếm tỉ lệ dao động từ 9,6-13,5%, nhóm tuổi có tỷ lệ thấp nhất là 18 tuổi, 26 tuổi và 27 tuổi.

Bảng 1. Phân loại sức khỏe của thanh niên (n=1015)

Phân loại		Tần số	Tỷ lệ (%)
Đạt	Loại 1	30	3,0
	Loại 2	275	27,1
	Loại 3	199	19,6
Không đạt	Loại 4	294	28,9
	Loại 5	146	14,4
	Loại 6	71	7,0

Sức khỏe của nam thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự: loại 4 chiếm tỷ lệ cao nhất (28,9%), tiếp theo là loại 2 (27,1%), loại 3 (19,6%), loại 5 (14,4%), loại 6 (7,0%) và thấp nhất là loại 1 chỉ chiếm 3%. Tỷ lệ sức khỏe đạt (loại 1, 2, 3) là 49,7%.

Bảng 2. Đặc điểm thể lực của thanh niên (n=1015)

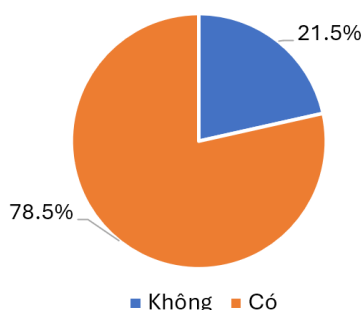
Chỉ số	$\bar{X} \pm SD$
Chiều cao (cm)	167,5 $\pm$ 5,9
Cân nặng (kg)	65,2 $\pm$ 15,3
BMI (kg/m ²)	23,2 $\pm$ 5,0
Vòng ngực (cm)	89,2 $\pm$ 9,5

Chiều cao trung bình của thanh niên là 167,5 $\pm$ 5,9 cm, cân nặng trung bình là 65,2 $\pm$ 15,3 kg, BMI trung bình là 23,2 $\pm$ 5,0 kg/m² và chu vi vòng ngực trung bình là 89,2 $\pm$ 9,5 cm.

Bảng 3. Phân loại thể trạng của thanh niên theo BMI (n = 1015)

Phân loại	Tần số	Tỷ lệ (%)
Nhẹ cân	118	11,6
Bình thường	447	44,0
Thừa cân	133	13,1
Béo phì độ 1	224	22,1
Béo phì độ 2	66	6,5
Béo phì độ 3	27	2,7

Phân loại thể trạng theo BMI của thanh niên cho kết quả: nhóm bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất (44%); nhóm béo phì từ độ 1 trở lên chiếm tỷ lệ 31,3%; nhóm thừa cân chiếm tỷ lệ 13,1% và nhóm nhẹ cân chiếm tỷ lệ 11,6%.

**Hình 2. Tỷ lệ mắc bệnh (n = 1015)**

Tỷ lệ thanh niên có mắc ít nhất 1 bệnh chiếm đa số (78,5%), nhóm không có bệnh là 21,5%.

Bảng 4. Phân loại bệnh theo nhóm bệnh (n = 1015)

Bệnh	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Mắt	405	39,9
Răng hàm mặt	246	24,2
Da liễu	42	4,1
Nội khoa	288	28,4
Ngoại khoa	96	9,5

Nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh về mắt (39,9%), kế đó là các bệnh nội khoa (28,4%) và răng hàm mặt (24,2%); ít gặp hơn là các bệnh ngoại khoa (9,5%), và nhóm bệnh da liễu thấp nhất với 4,1%.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cắt ngang 1015 thanh niên khám nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng cho thấy lứa tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 19 tuổi (22,5%), tương đồng với nghiên cứu của Võ Tam cũng cho kết quả lứa tuổi 19 chiếm đa số với 25% [7], có thể lý giải rằng vì đây là độ tuổi bắt đầu tham gia khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự nên có tỷ lệ tham gia nghiên cứu cao nhất. Nhóm tuổi từ 21 trở lên chiếm tỷ lệ 63,8%, cao hơn so với nghiên cứu của Trần Văn Danh năm 2018 (45,67%) và tương đồng với nghiên cứu của Trương Thị Yến Linh năm 2020 (64,7%) [2-3].

Kết quả phân loại sức khỏe cho thấy nhóm loại 4 chiếm tỷ lệ cao nhất với 28,9% và thấp nhất là loại 1 với 3%, tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Hồng Tảo: tình trạng sức khỏe ở nam thanh niên đạt loại 4 cao nhất với 35,55% và thấp nhất là loại 1 là 0,93% [4]; và cũng tương đồng kết quả của Trần Văn Danh: loại 4 chiếm 30,71% và loại 1 chiếm 2,89% [2]. Tỷ lệ đạt sức khỏe của nam thanh niên (loại 1, 2, 3) là 49,7%, theo quy định hiện hành, chỉ công dân có sức khỏe đạt loại 1, 2, 3 mới đủ điều kiện tuyển chọn; các trường hợp từ loại 4 trở lên không đủ tiêu chuẩn sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ quân sự, phù hợp khung pháp lý tại Thông tư 105/2023/TT-BQP và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi gần đây [1]. Tỷ lệ trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn một số báo cáo quy mô tại thành phố Hồ Chí Minh, đầu năm 2025, ghi nhận 15.987 công dân được khám, trong đó có 5677 người đạt sức khỏe nhập ngũ (tương đương khoảng 35,5%) [5]. Tuy nhiên tỷ lệ này tương đồng khi so với một nghiên cứu trên cùng địa bàn khu vực Dầu Tiếng vào năm 2023 với kết quả có 42,4% thanh niên có đủ sức khỏe trúng tuyển nghĩa vụ quân sự [6]. Sự khác biệt về tỷ lệ đạt sức khỏe giữa các địa bàn có thể lý giải bởi đặc thù dân số nông thôn, thành thị. Mặt khác, dù Thông tư số 105/2023/TT-BQP đã áp dụng các tiêu chí khắt khe hơn so với Thông tư số 16/2016/TTLT-BYT-BQP, kết quả cho thấy tỷ lệ thanh niên phân loại đạt sức khỏe không chênh lệch quá lớn trên cùng một khu vực qua các năm. Điều này vừa đảm bảo tính khách quan, vừa giúp các địa phương duy trì tỷ lệ công dân đủ điều kiện nhập ngũ ở mức ổn định qua các năm. Tuy nhiên, phân loại sức khỏe không đạt (loại 4, 5, 6) chiếm đến 53,3% là một con số đáng lo ngại về tình trạng thể lực, bệnh tật của thanh niên hiện nay, trong đó loại 6 chiếm đến 7%, nghĩa là có ít nhất một chỉ tiêu sức khỏe thuộc tình trạng rất kém.

Chiều cao trung bình của thanh niên là $167,5 \pm 5,9$ cm, cao hơn nghiên cứu của Võ Tam với chiều cao trung bình là $164,1 \pm 5,5$ cm và cao hơn mức chung của thanh niên Việt Nam vào năm 2020 (168,1 cm) theo tổng điều tra dinh dưỡng quốc gia [7-8]. Kết quả này phù hợp xu thế cải thiện tầm vóc nam thanh niên Việt Nam giai đoạn 2020-2025 do Viện Dinh dưỡng Quốc gia công bố [8]. Cân nặng và chu vi vòng ngực trung bình lần lượt là $65,2 \pm 15,3$ kg và $89,2 \pm 9,5$ cm, đều cao hơn so với nghiên cứu của Võ Tam: cân nặng

trung bình $54,97 \pm 7,54$ kg và vòng ngực trung bình $83,43 \pm 5,76$ cm [7]. Nghiên cứu của chúng tôi thấy BMI trung bình của thanh niên khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự là $23,2 \pm 5,0$ kg/m², thuộc mức thừa cân theo khuyến nghị dành cho người châu Á (BMI: $23-24,9$ kg/m²). Phù hợp với phân loại BMI với kết quả có 13,1% thừa cân và 31,3% béo phì từ độ 1 trở lên, tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Võ Tam ($20,38 \pm 2,41$ kg/m²) [7]. Sự khác biệt này có thể là do dân cư thành thị có xu hướng tăng BMI nhanh hơn và mức độ thừa cân tăng rõ hơn so với dân cư nông thôn, điều này cũng được khẳng định trong nghiên cứu của Hoàng Văn Minh [9]. Nhóm phân loại BMI bình thường chiếm tỷ lệ cao nhất với 44%, tương tự với kết quả nghiên cứu trên cùng địa bàn năm 2023 [6].

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 78,5% thanh niên khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự có mắc ít nhất một bệnh lý. Điều này phản ánh tình trạng sức khỏe của thanh niên hiện nay đang đứng trước nhiều thách thức, mặc dù độ tuổi này vốn được kỳ vọng là khỏe mạnh nhất. So với các báo cáo khám tuyển gần đây, tỷ lệ công dân không đủ sức khỏe nhập ngũ do bệnh lý thường tập trung ở nhóm tật khúc xạ (cận, loạn thị), bệnh tim mạch, hô hấp và rối loạn chuyển hóa [10]. Theo báo cáo của Bộ Quốc phòng, sau khi áp dụng Thông tư 105/2023/TT-BQP, việc bổ sung các xét nghiệm cận lâm sàng đã giúp phát hiện thêm nhiều bất thường tiềm ẩn, khiến tỷ lệ thanh niên có bệnh lý ghi nhận được tăng cao hơn trước [10]. Xu hướng này cũng phù hợp với các khảo sát dịch tễ gần đây: tỷ lệ tật khúc xạ học đường, thừa cân béo phì và rối loạn huyết áp ở thanh niên đang gia tăng, đặc biệt tại khu vực thành thị [9].

Phân loại bệnh tật theo nhóm bệnh cho thấy bệnh về mắt (chủ yếu là tật khúc xạ) chiếm tỷ lệ cao nhất với 39,9%. Kết quả này cao hơn so với một số nghiên cứu tương đồng tại Việt Nam: nghiên cứu của Võ Tam về tình hình thể lực, bệnh tật của nam thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Quảng Ngãi năm 2013 chỉ có 17% mắc bệnh về mắt [7]; nghiên cứu của Trần Quốc Bảo tại khu vực Dầu Tiếng năm 2023 chỉ có 24% [6], cho thấy chỉ sau 2 năm trên cùng một địa phương, tỷ lệ thanh niên mắc các bệnh về mắt đã tăng đáng kể. Xu hướng công nghệ thông tin phát triển hiện nay cũng góp phần vào tỷ lệ gia tăng này.

Kết quả ghi nhận có 28,4% thanh niên mắc bệnh nội khoa, kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Trương Thị Yến Linh (63,8%) [3] nhưng cao hơn so với nghiên cứu của Trần Văn Danh (12,74%) [2]. Sự khác biệt này có thể do sự thay đổi mô hình bệnh tật theo thời gian và theo địa phương, các bệnh mạn tính không lây đang có xu hướng tăng dần theo thời gian và đang gia tăng ở người trẻ như bệnh tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu, đái tháo đường...

Nhóm bệnh có tỷ lệ mắc thấp hơn là răng hàm mặt với 24,2%. Theo điều kiện tuyển quân, những bệnh lý

nặng hoặc ảnh hưởng đến chức năng nhai, phát âm đều có thể là nguyên nhân bị xếp loại sức khỏe từ 4 trở lên. Một số báo cáo y tế cộng đồng gần đây cũng cho thấy tỷ lệ sâu răng, viêm lợi ở thanh niên Việt Nam vẫn còn cao, mặc dù các chương trình nha học đường đã được triển khai. Điều này cho thấy cần đẩy mạnh hơn nữa công tác dự phòng và khám, điều trị nha khoa định kỳ cho học sinh, thanh niên trước khi đến tuổi nhập ngũ. Các bệnh thuộc chuyên khoa da liễu chỉ chiếm 4,1%, thấp hơn so với nghiên cứu của Võ Tam (15%) [2] và nghiên cứu của Trần Văn Danh (7,78%) [7].

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 1015 thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại khu vực Dầu Tiếng, thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 cho kết quả phân loại sức khỏe theo Thông tư 105/2023/TT-BQP: loại 1 chiếm 3%; loại 2 là 27,1%; loại 3 là 19,6%; loại 4 là 28,9%; loại 5 là 14,4%; và loại 6 là 7%. Về thể lực: chiều cao trung bình $167,5 \pm 5,9$ cm; cân nặng trung bình $65,2 \pm 15,3$ kg; BMI trung bình $23,2 \pm 5,0$ kg/m²; vòng ngực trung bình $89,2 \pm 9,5$ cm. Phân loại theo BMI: nhóm bình thường chiếm 44%; nhẹ cân 11,6%; thừa cân 13,1%; béo phì từ độ 1 trở lên 31,3%. Đa số thanh niên có mắc ít nhất 1 bệnh (78,5%). Nhóm bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh về mắt (39,9%), kể đến là bệnh nội khoa (28,4%) và bệnh răng hàm mặt (24,2%). Các bệnh ít gặp hơn là các bệnh thuộc ngoại khoa (9,5%) và da liễu (4,1%).

Địa phương cần tăng cường các chương trình dự phòng, quản lý sức khỏe và can thiệp sớm cho thanh niên, đặc biệt là phòng chống các bệnh tật khúc xạ, thừa cân béo phì, nhằm nâng cao chất lượng nguồn tuyển nghĩa vụ quân sự trong những năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Quốc phòng. Thông tư số 105/2023/TT-BQP về việc Quy định tiêu chuẩn sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự, ngày 06 tháng 12 năm 2023.
- [2] Trần Văn Danh. Thể lực và bệnh tật của thanh niên khám nghĩa vụ quân sự tại huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang từ năm 2014 đến 2018. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2019, Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, 2019.
- [3] Trương Thị Yến Linh. Tình hình thể lực, bệnh tật và một số yếu tố liên quan đến sức khỏe nam thanh niên thực hiện nghĩa vụ quân sự tỉnh Cà Mau năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, 2020, 502 (5): 59-63.
- [4] Nguyễn Hồng Tảo. Tình trạng thể lực và bệnh tật của thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai năm

- 2001 và 2006. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh, 2007, 11, (1): 154-159.
- [5] Hữu Tân. Thành phố Hồ Chí Minh: Đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân năm 2025, Trang tin điện tử Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh, 20/8/2025. <https://thanhuytphcm.vn/tin-tuc/tphcm-dam-bao-hoan-thanh-100-chi-tieu-giao-quan-nam-2025-1491933109>
- [6] Trần Quốc Bảo. Thực trạng sức khỏe của thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự và một số yếu tố liên quan tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương năm 2023. Tạp chí Y học Dự phòng, 2023, 33 (6): 147-156.
- [7] Võ Tam. Tình hình thể lực và bệnh tật của nam thanh niên khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Quảng Ngãi năm 2013. Tạp chí Y Dược học, Trường Đại học Y Dược Huế, 2013, số 27: 72-84.
- [8] Viện Dinh dưỡng Quốc gia. Chiều cao ở nhóm thanh niên 18 tuổi tăng mạnh. Báo Nhân dân, 31/10/2025. <https://nhandan.vn/chieu-cau-o-nhom-thanh-nien-18-tuoi-tang-manh-post642075.html>
- [9] Hoang Van Minh. Childhood overweight and obesity in Vietnam: A landscape analysis of the extent and risk factors. Inquiry: A Journal of Medical Care Organization, Provision and Financing, 2023, 60.
- [10] Duy Đông, Anh Dũng. Tháo gỡ khó khăn, bất cập, bảo đảm tốt chất lượng tuyển quân. Báo Quân đội nhân dân, 04/3/2024. <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/thao-go-kho-khan-bat-cap-bao-dam-tot-chat-luong-tuyen-quan-767303>.